

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HS-ST

Ngày 30-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Dương

2. Ông Nguyễn Công Tụ

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Quyết - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2019/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2019, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C, sinh ngày 16/11/1983 tại thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ X, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lái xe; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (Nguyễn Đăng K), sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1958; có vợ: Đào Thị H, sinh năm 1987 và 3 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 06/6/2019 đến ngày 09/6/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Vũ Đức Đ, sinh ngày 20/8/1984 tại thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ Y, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức H1, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị C1 (đã chết); có vợ: Đào Thị H2, sinh năm 1986 và 2 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 01/8/2016, Công an huyện Quỳnh Phụ phạt

hành chính về hành vi đánh bạc; bị tạm giữ từ ngày 06/6/2019 đến ngày 09/6/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Phạm Ngọc H3, sinh ngày 07/9/1992 tại thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ Z, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lái xe; học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc H4, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 06/6/2019 đến ngày 09/6/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 20/5/1974 tại thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ X1, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lái xe; học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H5, sinh năm 1940 và bà Vũ Thị H6(đã chết); có vợ: Đào Thị D, sinh năm 1981 và 2 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 06/6/2019 đến ngày 09/6/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Đỗ Ngọc T2, sinh ngày 06/6/1981 tại xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn T3 (thôn X2)xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Ngọc B, sinh năm 1928; và con bà Nhâm Thị B1, sinh năm 1950; có vợ: Lê Thị M, sinh năm 1986 và 2 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 06/6/2019 đến ngày 09/6/2019 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Duy T4, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn V, xã Đ2, huyện Q, tỉnh Thái Bình (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ ngày 06/6/2019, Nguyễn Văn C, Vũ Đức Đ, Nguyễn Văn Đ1 và Phạm Ngọc H3 lần lượt đến gara ô tô M1 của anh Nguyễn Duy T4 ở Tổ X, thị trấn An Bài để sửa chữa xe ô tô, tại gara có Đỗ Ngọc T2 là công nhân sửa chữa xe ô tô đang làm việc. Nguyễn Văn C nhìn thấy bộ bài tú lơ khơ trên nóc tủ lạnh gần bàn mọi người ngồi uống nước nên nói: “*Anh em mình làm tý lơ khơ ăn tiền*”, tất cả đồng ý. Vũ Đức Đ lấy bộ tú lơ khơ trên nóc tủ lạnh rồi cùng mọi người đi vào gian phòng ngủ của quán ngồi quây tròn dưới nền nhà cùng thống nhất: Mỗi người chơi được chia 10 lá bài, số còn lại để ở giữa chiếu bạc; người chia bài được đánh đầu tiên, theo chiều quay kim đồng hồ. Mức được - thua là 5.000 đồng/lá bài, người chơi đánh hết số lá bài được chia trước thì thắng ván bạc người thua trả cho người về nhất tính theo mỗi lá bài còn lại chưa đánh với số tiền 5.000 đồng/lá; ai bị

“cháy”, tức là không đánh được lá bài nào thì phải trả cho người nhất 70.000 đồng; sau khi lên bài ai thấy các lá bài của mình đánh ra không ai chặn được thì xin lốc, ai lốc thì được những người còn lại trả 100.000 đồng/người, ai bị bắt lốc thì phải trả cho người bắt được lốc 400.000 đồng, những người còn lại không phải trả tiền; ai đánh lá bài 2 mà bị bắt tứ quý thì phải trả cho người đó 100.000 đồng; ai có tứ quý 2 hạ xuống được “ăn trắng”, mỗi người chơi phải trả cho người có tứ quý 100.000 đồng; lá bài 2 là to nhất chặn được tất cả các lá bài khác, lá bài 3 bé nhất, sảnh A23 là bé nhất, sảnh QKA là to nhất; trên bài người chơi có 4 lá bài cùng điểm khác chất (ví dụ 4444, QQQQ...) gọi là tứ quý thì chặn được lá bài số 2, người bị bắt tứ quý phải trả cho người có tứ quý 100.000 đồng. Người nhất ván bạc sẽ được chia và đánh trước ở ván bạc tiếp theo. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 11 giờ thì Đỗ Ngọc T2 vào cùng tham gia đánh bạc, lúc này có 5 người chơi nên nếu ai lốc sẽ được 4 người còn lại trả 400.000 đồng; Ai bị bắt lốc thì phải trả cho người bắt được lốc 500.000 đồng. Tất cả tiếp tục đánh bạc đến 12 giờ 05 phút cùng ngày thì bị Công an huyện Quỳnh Phụ bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 3.150.000 đồng, 01 bộ tú lơ khơ 52 lá bài; quản lý trên người các bị cáo 2.120.000 đồng, trong đó: Của Nguyễn Văn C 1.500.000 đồng; Phạm Ngọc H3 620.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc trong vụ án là 5.270.000đ (*Năm triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai: Trưa ngày 06/6/2019, tại quán sửa chữa xe ô tô M1 ở thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, các bị cáo đã cùng nhau “đánh lốc” ăn tiền bị bắt quả tang, tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 5.270.000 đồng. Về số tiền mang theo và sử dụng để đánh bạc: Nguyễn Văn C 2.020.000 đồng, Phạm Ngọc H3 1.330.000 đồng, Vũ Đức Đ 1.070.000 đồng, Nguyễn Văn Đ1 600.000 đồng và Đỗ Ngọc T2 250.000 đồng.

Bản cáo trạng số 66/CT-VKSQP ngày 15/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C, Vũ Đức Đ, Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn Đ1 và Đỗ Ngọc T2 về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “*Đánh bạc*” và đề nghị:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 50, Điều 58, điểm i; s khoản 1 Điều 51 đối với các bị cáo; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn Đ1 và Đỗ Ngọc T2; áp dụng khoản 1; 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo Nguyễn Văn C và Vũ Đức Đ với mức án: Bị cáo C từ 09 đến 12 tháng, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; bị cáo Đ từ 06 đến 09 tháng, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự, phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn Đ1 và Đỗ Ngọc T2 với mức án: Bị cáo H3 từ 18 đến 24 tháng, bị cáo Đ1 từ 15 đến 18 tháng và bị

cáo T2 từ 12 đến 15 tháng, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo thường trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, thời gian các bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/6/2019 đến ngày 09/6/2019 là 03 ngày được quy đổi bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt, không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú giám sát, giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt các bị cáo Nguyễn Văn C, Vũ Đức Đ, Phạm Ngọc H3 và Nguyễn Văn Đ1 mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước. Đối với bị cáo Đỗ Ngọc T2 gia đình thuộc diện “hộ cận nghèo”, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T2.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu để nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 5.270.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân thu giữ tại quán sửa chữa xe ô tô M1.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Vũ Đức Đ, Phạm Ngọc H3 và Nguyễn Văn Đ1 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đỗ Ngọc T2.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất hối hận và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận, trưa ngày 06/6/2019, tại quán sửa chữa xe ô tô M1, ở thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, các bị cáo đã đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “đánh lốc” bị bắt quả tang, số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 5.270.000 đồng. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, sơ đồ hiện trường cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian

từ 10 giờ đến 12 giờ 05 phút ngày 06/6/2019, tại quán sửa chữa xe ô tô M1, địa chỉ Tổ X, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Văn C, Vũ Đức Đ, Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn Đ1 và Đỗ Ngọc T2 có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức “đánh lốc”, đến 12 giờ 05 phút cùng ngày bị Công an huyện Quỳnh Phụ bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền đánh bạc là 5.270.000đ (*Năm triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*). Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “*Đánh bạc*” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều 321. Tội đánh bạc

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại điều 322 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[3] Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C, Vũ Đức Đ, Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn Đ1 và Đỗ Ngọc T2 về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước về trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội và dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân, vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trong quá trình đánh bạc, các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc với nhau mà cùng nhau đánh bạc, do đó đánh giá đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tuy nhiên cần xem xét mức độ phạm tội của từng bị cáo để lên mức án phù hợp, tương xứng với hành vi mỗi bị cáo đã gây ra.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn C là người khởi xướng, trực tiếp rủ các bị cáo còn lại tham gia đánh bạc, bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền 2.020.000 đồng, nhiều nhất so với các bị cáo khác trong vụ án; bị cáo Vũ Đức Đ là người cầm bộ bài tú lơ khơ trên nóc tủ lạnh của quán sửa chữa xe M1 để các bị cáo làm công cụ đánh bạc, số tiền tham gia đánh bạc là 1.070.000 đồng, nhiều thứ ba trong vụ án, bị cáo Đ năm 2016 đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo Phạm Ngọc H3 tham gia đánh bạc với số tiền 1.330.000 đồng, nhiều thứ hai trong vụ án; bị cáo Nguyễn Văn Đ1 tham gia đánh bạc với số tiền 600.000 đồng; bị cáo Đỗ Ngọc T2 tham gia đánh bạc là người vào sau và tham gia đánh bạc với số tiền 250.000 đồng, ít nhất so với các bị cáo trong vụ án. Do đó đánh giá mức độ phạm tội của bị cáo

Nguyễn Văn C cao nhất trong vụ án, sau bị cáo C lần lượt là bị cáo Vũ Đức Đ, Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn Đ1 và Đỗ Ngọc T2.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” và “*người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo C, Đ1 và T2 thuộc gia đình có công với cách mạng: Bố đẻ bị cáo C là bệnh binh, và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Ba; bố đẻ bị cáo Đ1 được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo T2 có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương Chiến sỹ giải phóng hạng Nhất và Huân chương kháng chiến hạng Nhì, mẹ bị cáo T2 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo H3 có thời gian tham gia quân đội, do đó các bị cáo C, Đ1, T2 và bị cáo H3 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Xét thấy các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo C, H3, Đ1 và T2 đều có nhân thân tốt, bị cáo Đ ngoài lần bị xử phạt hành chính vào năm 2016 đã được xóa tiền sự không có vi phạm nào khác, do đó không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo C và bị cáo Đ; áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo H3, Đ1 và bị cáo T2, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú giám sát, giáo dục cũng đủ giáo dục các bị cáo và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung. Về mức hình phạt: Qua phân tích trên thấy, đối với hai bị cáo phạt tù cho hưởng án treo, do mức độ phạm tội của bị cáo C cao hơn bị cáo Đ, do đó mức án của bị cáo C cao hơn mức án của bị cáo Đ; đối với ba bị cáo phạt cải tạo không giam giữ, do mức độ phạm tội của bị cáo H3 cao hơn bị cáo Đ1, bị cáo Đ1 cao hơn bị cáo T2 do đó bị cáo H3 phải chịu mức án cao hơn so với bị cáo Đ1, bị cáo T2 có mức án thấp nhất là tương xứng với hành vi của mỗi bị cáo, thời gian các bị cáo bị tạm giữ được quy đổi 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt. Do các bị cáo H3, Đ và bị cáo T2 đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, bị cáo T2 gia đình thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo phạm tội với động cơ tư lợi và sát phạt nhau, do đó cần áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo như mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự; riêng đối với bị cáo Đỗ Ngọc T2 gia đình thuộc diện “hộ cận nghèo” do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T2.

[8] Đối với anh Nguyễn Duy T4 là chủ quán sửa chữa ô tô M1, do khi các bị cáo đánh bạc anh không có mặt tại quán, anh không biết việc các bị cáo đã đánh bạc tại quán của mình, do đó cơ quan Điều tra không xử lý đối với anh T4 là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Điều tra đã quản lý 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân các bị cáo lấy tại gara ô tô của anh T4 dùng để đánh bạc, cần tịch thu tiêu hủy; đối với số tiền 5.270.000 đồng quản lý của các bị cáo là tiền các bị cáo dùng vào mục đích đánh bạc, do đó tịch thu để nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Vũ Đức Đ, Phạm Ngọc H3 và Nguyễn Văn Đ1 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Đỗ Ngọc T2 được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C, Vũ Đức Đ, Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn Đ1 và Đỗ Ngọc T2 phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i; s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, các điều 58; 50 và khoản 1; 2 Điều 65 Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo Nguyễn Văn C 09 (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i; s khoản 1 Điều 51, các điều 58; 50 và khoản 1; 2 Điều 65 Bộ luật hình sự: Phạt bị cáo Vũ Đức Đ 06 (*sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (*một*) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn C và Vũ Đức Đ cho Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i; s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, các điều 58; 50 và Điều 36 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn Đ1 và Đỗ Ngọc T2

+ Phạt bị cáo Phạm Ngọc H3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ (06/6/2019 đến ngày 09/6/2019) bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt là 01 (một) năm 05 (năm) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày, tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Không áp dụng khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo.

+ Phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ (06/6/2019 đến ngày 09/6/2019) bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt là 01 (một) năm 02 (hai) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày, tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Không áp dụng khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo.

Giao bị cáo Phạm Ngọc H3 và bị cáo Nguyễn Văn Đ1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

+ Phạt bị cáo Đỗ Ngọc T2 01 (một) năm cải tạo không giam giữ được trừ 03 (ba) ngày tạm giữ (06/6/2019 đến ngày 09/6/2019) bằng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ, thời gian còn phải chấp hành hình phạt là 11 (mười một) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày, tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Không áp dụng khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Văn C, Vũ Đức Đ, Phạm Ngọc H3 và Nguyễn Văn Đ1 mỗi bị cáo 10.000.000đ (mười triệu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu để tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân thu tại gara ô tô của anh Nguyễn Duy T4.

Tịch thu để nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 5.270.000đ (Năm triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng) trong đó, của Nguyễn Văn C 2.020.000 đồng, Phạm Ngọc H3 1.330.000 đồng, Vũ Đức Đ 1.070.000 đồng; Nguyễn Văn Đ1 600.000 đồng và Đỗ Ngọc T2 250.000 đồng.

Bộ bài tú lơ khơ 52 quân và số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc (tiền được niêm phong trong 03 phong bì kèm theo biên bản niêm phong cùng ngày 06/6/2019

của Công an huyện Quỳnh Phụ) đang được chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện và chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày 21/8/2019.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Văn C, Vũ Đức Đ, Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn Đ1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Đỗ Ngọc T2.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận

- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Quỳnh Phụ;
- Cơ quan THAHS CA huyện Quỳnh Phụ;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND thị trấn A, huyện Q;
- UBND xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Liên